

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KỲ VÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH SÁCH CÔNG KHAI

Kết quả kiểm tra hồ sơ đăng ký, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Đợt 4)

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (giảm) so với GCN	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
1	Trần Khắc Chương (Nguyễn Thị Bình)	Bắc Xuân	Bắc Xuân	25	132	660,0	Trước ngày 15/10/1993	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
2	Trần Ngân (Nguyễn Thị Hiền)	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	340	-81,1	Năm 1998	Đất gia đình nhận chuyển nhượng sử dụng ổn định từ năm 1998, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1998 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1998	Không	Phù hợp
3	Lê Văn Mỹ (Hoàng Thị Bình)	phường Đồng Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng	Sa Xá	67	206	80,5	Năm 1995	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1995, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1995 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1995	Không	Phù hợp
4	Lê Hồng Viễn (Nguyễn Thị Xuân)	Mỹ Liên	Mỹ Liên	39	45	59,1	Năm 1999	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1999, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1999 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1999	Không	Phù hợp
5	Chu Văn Minh (Nguyễn Thị Văn)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	560	26,3	Năm 1989	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1989, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1989 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1989	Không	Phù hợp
6	Nguyễn Thị Đào	Tây Xuân	Tây Xuân	90	306+307	-560,3	Trước năm 1980	Đất do bà Nguyễn Thị Đào nhận tăng cho năm 2025, thửa đất làm nhà ở sử dụng ổn định trước ngày 18/12/1980, phần diện tích giảm là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước năm 1980 đến nay	Trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
7	Hồ Văn Nhung (Lưu Thị Tinh)	Nam Xuân	Nam Xuân	121	78	1.578	Trước năm 1980	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định trước năm 1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước năm 1980 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (giảm) so với GCN	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
8	Lê Xuân Ngu (Hà Thị Thủy)	Trung Sơn	Trung Sơn	23	118	693,3	Năm 1991	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1991, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1991 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1991	Không	Phù hợp
9	Hà Thị Tuyết	Tây Xuân	Tây Xuân	63	277	4.595,2	Năm 1991	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định từ năm 1991, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1991 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1991	Không	Phù hợp
10	Võ Hùng Phi (Nguyễn Thị Dung)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	426	15,9	Năm 1976	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Võ Lúy năm 2012, thửa đất có nhà ở sử dụng ổn định từ năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1976 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
11	Nguyễn Đức Lợi (Lê Thị Nhung)	Liên Sơn	Liên Sơn	30	499	28,3	2013	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng QSD đất của ông Trần Kế Toàn sử dụng ổn định làm nhà ở từ năm 2013, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2013 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
12	Lê Xuân Hòa	Nam Sơn	Nam Sơn	25	594	1.486,3	Năm 1976	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
13	Dương Văn Dục (Nguyễn Thị Diên)	Vân Lạc	Vân Lạc	32	408	148,0	Năm 2006	Đất do UBND xã cấp cho gia đình làm nhà ở năm 2006, phần diện tích tăng là đất ở gia đình sử dụng ổn định từ năm 2006 cho đến nay	Đất ở	2006	Không	Phù hợp
14	Trần Ngọc Diễm My	Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	Thanh Sơn	62	340	233,7	Năm 1975	Đất bà Trần Thị Diễm My nhận chuyển nhượng năm 2010, thửa đất làm nhà ở sử dụng ổn định năm 1975, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1975 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1975	Không	Phù hợp
15	Lê Minh Hải (Trương Thị Hoa)	Liên Sơn	Vân Lạc	32	425	59,7	Năm 2011	Đất do UBND xã cấp cho gia đình làm nhà ở năm 2011, phần diện tích tăng là đất ở gia đình sử dụng ổn định từ năm 2011 cho đến nay	Đất ở	2011	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (giảm) so với GCN	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
16	Nguyễn Văn Diệu (Phan Thị Hồng Thi)	Đông Xuân	Đông Xuân	45	393	943,0	Năm 1997	Đất do gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp
17	Lê Xuân Oanh (Võ Thị Thanh)	Đông Xuân	Đông Xuân	43	215	1.783,6	Năm 1978	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1978 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1978	Không	Phù hợp
18	Nguyễn Thị Lân	Nam Sơn	Nam Sơn	25	245	326,6	Trước ngày 15/10/1993	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
19	Hoàng Diệp (Trần Thị Thái)	Liên Sơn	Liên Sơn	31	412	167,3	Năm 1976	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định năm 1976, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1976	Không	Phù hợp
20	Hoàng Thị Hiền	Trung Sơn	Trung Sơn	23	119	410,6	Trước năm 1993	Đất gia đình khai hoang sử dụng ổn định trước năm 1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước năm 1993 cho đến nay	Trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
21	Nguyễn Mậu Trạch (Đặng Thị Yến)	Đại Đồng	Đại Đồng	11	64	162,5	Năm 1994	Đất UBND xã cấp cho gia đình sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1994, phần diện tích tăng là đất ở sử dụng từ năm 1997 cho đến nay	Đất ở	1994	Không	Phù hợp
22	Nguyễn Thị Định	Đông Xuân	Đông Xuân	46	327	717,2	Năm 1983	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1983, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1983 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1983	Không	Phù hợp
23	Nguyễn Văn Lam (Phan Thị Nha)	Tây Xuân	Tây Xuân	64	409	972,6	Năm 1988	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1988, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1991 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1988	Không	Phù hợp
24	Trần Văn (Nguyễn Thị Đào)	Đông Xuân	Đông Xuân	46	323	2.794,1	Năm 1983	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1983, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1983	Không	Phù hợp

Số TT	Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất	Địa chỉ thường trú (thôn)	Địa chỉ thửa đất (thôn)	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích đất (giảm) so với GCN	Thời điểm sử dụng đất	Nguồn gốc sử dụng đất	Hiện trạng sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất	Tình trạng tranh chấp	Sự phù hợp với quy hoạch
1	2	3	4	5	6	7,0	8	9	10	11	12	13
25	Đinh Thị Hợp	Đông Xuân	Đông Xuân	60	219	2.527,5	Năm 1997	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1997, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1997	Không	Phù hợp
26	Nguyễn Văn Lâm (Nguyễn Thị Văn)	Nam Sơn	Nam Sơn	25	603	2.636,0	Năm 1982	Đất gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở ổn định từ năm 1982, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 01/7/2004 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1982	Không	Phù hợp
27	Dương Thừa Đợt	Liên Sơn	Liên Sơn	31	75	145,5	Năm 1980	Đất do ông Dương Thừa Đợt nhân tăng cho QSD đất năm 2025, thừa đất sử dụng làm nhà ở từ năm 1980, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 1980 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1980	Không	Phù hợp
28	Sư Văn Chức	Nam Sơn	Nam Sơn	26	30	5.039,4	Trước ngày 15/10/1993	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở trước ngày 15/10/1993, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng trước ngày 15/10/1993 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1993	Không	Phù hợp
29	Hoàng Thị Quý	Thanh Sơn	Thanh Sơn	62	330	143,2	Năm 1978	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 1978, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng năm 1978 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	1994	Không	Phù hợp
30	Hà Công Thành (Nguyễn Thị Thủy)	Hòa Hợp	Hòa Hợp	64	434	90,9	Năm 2012	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng năm 2012, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2012 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2012	Không	Phù hợp
31	Phan Công Mân (Nguyễn Thị Tinh)	Mỹ Liên	Mỹ Liên	31	482	90,0	Năm 2013	Đất do gia đình nhận chuyển nhượng năm 2013, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2013 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2013	Không	Phù hợp
32	Trần Xuân Hiệp (Thái Thị Huệ)	Nam Mỹ Lợi	Nam Mỹ Lợi	57	595	313,1	Năm 2001	Đất do gia đình khai hoang sử dụng làm nhà ở năm 2001, phần diện tích tăng là đất trồng cây lâu năm sử dụng từ năm 2001 cho đến nay	Đất trồng cây lâu năm	2001	Không	Phù hợp

